

Bản án số: 242/2023/DS-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thức

Ông Nguyễn Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 206/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2023/QĐHPT-DS ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T JACCS. Địa chỉ: Lầu A, số G N, phường V, quận C, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông T1, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị H chức vụ: Trưởng bộ phận cấp cao Bộ phận quản lý công nợ. Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Nguyễn Văn D, địa chỉ: A Y, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh Q, sinh năm 1973; Địa chỉ: E T, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1962. Địa chỉ: 3 N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ghi ngày 14/7/2023 của nguyên đơn là Công ty T JACCS và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Ngày 03/7/2015 Công ty T có ký hợp đồng số 61070000000521000 với ông Lê Minh Q cho ông Q vay tiền mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng, số tiền vay 25.000.000 đồng, lãi suất 4.12%/ tháng, thời gian vay 24 tháng.

Quá trình vay ông Q đã trả được một số tiền là 10.040.000 đồng. Từ ngày 01/02/2016 đến nay ông Q không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T.

Công ty đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Q thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Công ty, tuy nhiên ông Q không hợp tác và chưa thanh toán khoản nợ vay và lãi vay còn lại cho Công ty, vi phạm các điều khoản và nghĩa vụ đã quy định tại Hợp đồng đã ký, ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty T. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp bản trình bày đề nghị Tòa án xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể buộc ông Lê Minh Q phải thanh toán cho Công ty tài chính toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 29/9/2023 là 32.918.380 đồng (bao gồm tiền gốc 20.840.778 đồng, tiền lãi 10.876.503 đồng, lãi quá hạn: 1.201.099 đồng) đồng thời yêu cầu ông Lê Minh Q phải tiếp tục chịu lãi phát sinh do nợ quá hạn từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán dứt điểm toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ông Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

****Tại bản tự khai ngày 16/8/2023 và ngày 11/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Minh Q trình bày:*** Ông có vay của Công ty T để mua xe trả góp với số tiền vay là 25.000.000 đồng. Ông mua xe trả góp này thực chất là mua đứng tên giùm cho mẹ vợ ông là bà Nguyễn Ngọc A. Thời gian đầu mẹ vợ ông là bà A có trả nợ cho Công ty tài chính được số tiền là 10.040.000 đồng. Từ lúc mua xe đến nay xe vẫn do bà A quản lý, sử dụng. Công ty T giữ bản chính giấy đăng ký xe của ông. Từ 01/02/2016 đến nay bà A không trả góp tiền vay của Công ty nữa nên nay Công ty tài chính đòi nợ thì ông xin trả nợ cho Công ty T trong thời gian 2 tháng là đến ngày 11/11/2023 ông sẽ trả hết nợ cho Công ty T. Ông đề nghị Công ty T hỗ trợ ông trong việc lấy lại tài sản là chiếc xe đang do bà A quản lý, sử dụng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc A:*** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đến nơi cư trú của bà A tại 3 N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nhưng bà A vẫn không có mặt. Quá trình giải quyết vụ án bà A không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phản hồi yêu cầu của bị đơn về việc bà A giao xe trả lại cho ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Việc Công ty T ký kết hợp đồng tín dụng với ông Lê Minh Q cho ông Q vay mua xe trả góp như một hình thức cho vay là hoạt động cấp tín dụng theo quy định tại Điều 3 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Nguyên đơn Công ty T JACCS khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Minh Q phải trả số tiền còn nợ phát sinh từ giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay mà hai bên đã ký kết ngày 03/7/2015, mục đích là vay mua xe trả góp. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Lê Minh Q có nơi cư trú trên địa bàn phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Công ty T với ông Lê Minh Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, Lê Minh Q đều có tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, Tòa án triệu tập họp lệ bị đơn đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Q vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thể hiện đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Lê Minh Q và bà Nguyễn Ngọc A.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền vay còn nợ 32.918.380 đồng (bao gồm dư nợ gốc 20.840.778 và lãi 10.876.503 đồng và lãi quá hạn 1.201.099 đồng) tính đến ngày 29/9/2023:

Ngày 03/7/2015, giữa ông Lê Minh Q và Công ty T JACCS có ký kết hợp đồng tín dụng để ông Q vay số tiền 25.000.000 đồng nhằm trả tiền mua xe cho Cửa hàng kinh doanh xe máy Hà Giang, lãi suất 4,12%/tháng, thời gian vay 24 tháng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 117 Bộ luật Dân sự và các Điều 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như *Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay của Công ty T* là phù hợp với các quy định về hợp đồng tín dụng của Ngân hàng N, đây là cơ sở để xác định ông Q có quan hệ tín dụng với Công ty T JACCS.

Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện việc cấp tín dụng để ông Q thanh toán tiền mua xe máy cho cửa hàng kinh doanh xe máy Hà Giang tại địa chỉ B L, quận T, TP. Đà Nẵng. Hai bên không có thắc mắc, khiếu nại gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc cấp tín dụng để thanh toán tiền mua xe của ông Q. Sau khi Công ty T thanh toán cho đơn vị bán xe, trong quá trình vay trả góp cho Công ty T, ông Q đã thanh toán cho Công ty T được số tiền 10.040.000 đồng (gồm tiền gốc và tiền lãi). Từ ngày 01/02/2016 ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Công ty T khởi kiện yêu cầu buộc ông Q phải trả khoản tiền vay còn nợ và toàn bộ lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp bản tự khai yêu cầu buộc ông Q thanh toán cho Công ty T tính đến ngày 29/9/2023 tổng số tiền còn nợ là 32.918.380 đồng (bao gồm dư nợ gốc là gốc 20.840.778 và lãi 10.876.503 đồng và lãi quá hạn 1.201.099 đồng) tính đến ngày 29/9/2023 và phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. HĐXX xét thấy: Sau khi được cấp tín dụng bị đơn Lê Minh Q đã sử dụng vốn vay để trả tiền mua xe máy cho Cửa hàng kinh doanh xe máy Hà Giang. Từ ngày 01/02/2016 đến khi Công ty T khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T. Do ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại *Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cho vay* đã ký kết với Công ty T vào ngày 03/7/2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Q là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cho vay ký kết ngày 03/7/2015 của Công ty tài chính cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn Lê Minh Q về việc xe máy ông mua trả góp này hiện đang do bà Nguyễn Ngọc A (là mẹ vợ của ông Q) quản lý, sử dụng nên đề nghị Công ty T hỗ trợ ông trong việc lấy lại xe, Hội đồng xét xử thấy việc ông Q vay mua xe trả góp của Công ty tài chính là trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ vay thuộc về ông Q, khi ký kết hợp đồng vay với Công ty T ông Q hiểu rõ việc ông là người đứng tên vay và phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Công ty T. Việc ông Q đưa xe cho người khác sử dụng thì ông Q có quyền yêu cầu người sử dụng xe trả xe lại cho ông, còn nghĩa vụ trả nợ khoản vay cho Công ty T vẫn là nghĩa vụ của ông Lê Minh Q. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, tham gia hòa giải ông Q có trình bày nguyện vọng trả nợ cho Công ty T trong vòng 2 tháng đến 11/11/2023 ông sẽ trả hết nợ cho Công ty T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc A đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Minh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 32.918.380 \text{ đồng} = 1.645.919 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.18.

Hoàn trả cho Công ty T JACCS số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 823.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều 13, 18, 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Lê Minh Q.

2. Buộc ông Lê Minh Q phải trả cho Công ty T JACCS tổng số tiền 32.918.380 đồng (bao gồm dư nợ gốc 20.840.778 và lãi 10.876.503 đồng và lãi quá hạn 1.201.099 đồng) tính đến ngày 29/9/2023:

Kể từ ngày 30/9/2023 ông Lê Minh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền dư nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong tất cả khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của đơn vị cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho đơn vị cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của đơn vị cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.645.999 đồng (*một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi chín đồng*).

Hoàn trả cho Công ty T JACCS số tiền tạm ứng án phí 823.000 đồng (năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 00000850 ngày 31/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 29/9/2023.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bàng